

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10/2024/QĐST-HNGĐ

M, ngày 04 tháng 3 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ vào các điều 149, 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 33/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Anh **Trần Duy T** - Sinh năm: 1992; địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2/ Chị **Nguyễn Thị Mỹ C** - Sinh năm: 1991; địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Duy T và chị Nguyễn Thị Mỹ C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 05/9/2017 là phù hợp với quy định của pháp luật. Anh T, chị C thống nhất thuận tình ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn. Sự thỏa thuận này của anh T, chị C là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Anh T và chị C có ba người con chung là: Trần Nguyễn Thiên A - Sinh ngày 29/9/2017 và Trần Nguyễn Thiên P - Sinh ngày 07/11/2018, Trần Phú T1 - Sinh ngày 23/01/2022. Anh T, chị C thỏa thuận được với nhau là: Anh T được quyền nuôi hai người con là Trần Nguyễn Thiên A - Sinh ngày 29/9/2017 và Trần Nguyễn Thiên P - Sinh ngày 07/11/2018, chị C không phải cấp dưỡng nuôi con; chị C được quyền nuôi người con chung còn lại là: Trần Phú T1 - Sinh ngày 23/01/2022, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận này của anh T, chị C là phù hợp với quy định tại điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về tài sản chung: Anh T, chị C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Anh T, chị C trình bày là không có nên không xem xét.

[5] Về lệ phí: Anh T, chị C tự nguyện nhận chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1) Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Duy T và chị Nguyễn Thị Mỹ C thuận tình ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

1.2) Về con chung:

Anh Trần Duy T được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi hai người con chung giữa anh với chị Nguyễn Thị Mỹ C là: Trần Nguyễn Thiên A - Sinh ngày 29/9/2017 và Trần Nguyễn Thiên P - Sinh ngày 07/11/2018 (hiện hai người con này đang sống chung với anh T) cho đến khi hai người con này đủ mười tám tuổi, chị Nguyễn Thị Mỹ C không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị Mỹ C được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi người con chung còn lại giữa chị với anh Trần Duy T là: Trần Phú T1 - Sinh ngày 23/01/2022 (hiện đang sống chung với chị C) cho đến người con này đủ mười tám tuổi, anh Trần Duy T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị C không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, anh T, chị C hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3) Về tài sản chung: Anh T, chị C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

1.4) Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

2/ Về lệ phí sơ thẩm: Anh T, chị C tự nguyện nhận chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền lệ phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà anh T, chị C chị đã nộp là 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003100 ngày 20/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre; anh T, chị C đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Anh Trần Duy T (01 bản);
- Chị Nguyễn Thị Mỹ C (01 bản);
- UBND xã B (01 bản);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (01 bản);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C (01 bản);
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre (01 bản);
- Lưu: Hồ sơ, Vp, Bp (03 bản).

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên

